

Bản án số: 126/2024/DS – ST

Ngày: 31/7/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Chí

Ông Lê Mộng Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2024/TLST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2024/QĐST - DS ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: số nhà E, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Ngọc T: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số nhà E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2024) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Tô Thị B, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Ông Lê Kim H, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Ông Lê Hữu P, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng cư trú: số nhà C, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người được nguyên đơn ông Hồ Ngọc T ủy quyền - ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Hồ Ngọc T có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Lê Phước H1 (ông H1 đã chết) và vợ là bà Tô Thị B, việc nuôi tôm phục vụ phát triển kinh tế chung của gia đình. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là ông T bán

trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì ông **H1** và bà **B** trả nợ. Xác nhận nợ đến ngày 18/01/2023 thì ông **H1** và bà **B** còn nợ ông **Hồ Ngọc T** là chủ **đại lý V** số tiền 81.488.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng), bà **B** có ký tên biên nhận nợ ông **T** với số tiền 81.488.000 đồng. Từ đó đến nay ông **T** có đòi tiền nhiều lần nhưng bà **B** không trả số tiền còn nợ, nên ông **T** làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Tô Thị B** cùng hai người con chung của ông **H1**, bà **B** là ông **Lê Kim H**, ông **Lê Hữu P** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **T** (là chủ **đại lý V**) số tiền còn nợ là 81.488.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng). Đồng thời yêu cầu tính tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày nộp đơn khởi kiện tức ngày 09/4/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83%/tháng.

Nay ông là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Hồ Ngọc T** chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà **Tô Thị B** có nghĩa vụ trả cho ông **Hồ Ngọc T** số tiền nợ gốc 81.488.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày Tòa thụ lý vụ án 12/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 31/7/2024 là 03 tháng lẻ 19 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi là 2.457.000 đồng. Ông xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất từ sau ngày nộp đơn khởi kiện tức từ ngày 09/4/2024 đến ngày 11/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng, ông không yêu cầu ông **Lê Kim H**, ông **Lê Hữu P** phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà **B** trả số tiền gốc và tiền lãi cho ông **T**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Tô Thị B**, ông **Lê Kim H**, ông **Lê Hữu P** luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông **Hồ Ngọc T** về việc yêu cầu bị đơn bà **Tô Thị B**, ông **Lê Kim H**, ông **Lê Hữu P** trả tiền mua bán thức ăn còn thiếu. Bị đơn bà **Tô Thị B**, ông **Lê Kim H**, ông **Lê Hữu P** hiện đang cư trú tại **số nhà C, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre** nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Hồ Ngọc T** là ông **Nguyễn Văn C** có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông **C** trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà **Tô Thị B**, ông **Lê Kim H**, ông **Lê Hữu P** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà **Tô Thị B**, ông

Lê Kim H, ông Lê Hữu P vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Tô Thị B, ông Lê Kim H, ông Lê Hữu P là đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Ngọc T xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn ông Lê Kim H và ông Lê Hữu P có nghĩa vụ liên đới cùng bà Tô Thị B trả cho ông T số tiền nợ gốc 81.488.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) cùng tiền lãi phát sinh tính từ sau ngày nộp đơn khởi kiện tức tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 11/4/2024 cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày Tòa thụ lý vụ án 12/4/2024 đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 31/7/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng với tổng số tiền lãi là 2.502.090 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu này của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc ông Lê Kim H và ông Lê Hữu P có nghĩa vụ liên đới cùng bà Tô Thị B trả cho ông Hồ Ngọc T số tiền nợ gốc 81.488.000 đồng, cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 11/4/2024 và tiền lãi tính từ ngày 12/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 31/7/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng với tổng số tiền lãi là 2.502.090 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà Tô Thị B trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho ông Hồ Ngọc t.

Xét thấy, hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa nguyên đơn ông Hồ Ngọc T với bị đơn bà Tô Thị B được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Ngọc T yêu cầu bà Tô Thị B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 81.488.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng). Bị đơn bà Tô Thị B vắng mặt không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên, qua chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là biên nhận nợ ngày 18/01/2023 có nội dung “Người nợ: Tô Thị B... Năm sinh 20/08/1967... Tổng số tiền nợ ông Hồ Ngọc T (Đại lý V) tính đến ngày 18 tháng 01 năm 2023 là 81.488.000 đ Bằng chữ: tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng...” . Tại mục người nợ có chữ ký tên và ghi rõ họ tên bà Tô Thị B. Bà Tô Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Hồ Ngọc T cung cấp trong đó có biên nhận nợ ngày 18/01/2023 nhưng bà B không đến tham gia hòa giải, giải quyết

vụ án để làm rõ các ý kiến của mình, bà **B** không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ trên, việc ông **Hồ Ngọc T** yêu cầu bà **Tô Thị B** có nghĩa vụ trả cho ông **T** số tiền nợ gốc 81.488.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ngoài số tiền nợ gốc 81.488.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng), ông **T** còn yêu cầu bà **B** phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ ngày Tòa thụ lý 12/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 31/7/2024 là 03 tháng lẻ 19 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi là 2.457.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản, do bà **B** không thanh toán tiền đúng như thỏa thuận đối với số tiền nợ 81.488.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 18/01/2023, nên bà **B** còn phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu của nguyên đơn ông **T** về việc yêu cầu bị đơn bà **B** có nghĩa vụ trả tiền lãi tính từ ngày Tòa thụ lý 12/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 31/7/2024 là 03 tháng lẻ 19 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi 2.457.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bà **Tô Thị B** có nghĩa vụ trả cho ông **Hồ Ngọc T** là 83.945.000 đồng (tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[5] Đối với số tiền lãi suất tính từ ngày 09/4/2024 (sau ngày nộp đơn khởi kiện 08/4/2024) đến ngày 11/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 45.090 đồng, do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà **Tô Thị B** trả số tiền lãi này nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 11/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 45.090 đồng.

[6] Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hồ Ngọc T** được chấp nhận, nên bị đơn bà **Tô Thị B** phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền $83.945.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.197.250 \text{ đồng}$ (bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147, 217, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Ngọc T**. Buộc bà **Tô Thị B** có nghĩa vụ trả cho ông **Hồ Ngọc T** số tiền 83.945.000 đồng (tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Ngọc T** về việc buộc ông **Lê Kim H** và ông **Lê Hữu P** có nghĩa vụ liên đới cùng bà **Tô Thị B** trả cho ông **T** số tiền nợ gốc 81.488.000 đồng, cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 11/4/2024 và tiền lãi tính từ ngày 12/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 31/7/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng với tổng số tiền lãi là 2.502.090 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Ngọc T** về việc buộc bà **Tô Thị B** có nghĩa vụ trả cho ông **T** số tiền lãi tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 11/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 45.090 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Tô Thị B** có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền 4.197.250 đồng (bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.037.200 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng) cho ông **Hồ Ngọc T** (do ông **Nguyễn Văn C** nộp thay) theo biên lai thu số 0000072 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên